TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 09 - 2023
"V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Minh Việt

Ông Hoàng Xuân Niêm

- ***Thư ký Phiên tòa****:* Bà Nguyễn Chúc Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1979; (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau;

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hoàng A, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị K trình bày, chị và anh Hoàng A tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới gã vào năm 2000. Đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau (sau khi các con lớn) vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau nên vợ chồng không hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã ly thân nhau nên chị K yêu cầu xin ly hôn với anh Hoàng A.

Về con chung: Chị K xác định có 02 con chung tên Phạm Hoàng H, sinh năm 2000 và Phạm Mỹ T, sinh năm 2004. Hiện các cháu đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định nên không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K xác định không có.

Về nợ chung: Chị K xác định không có.

Đối với anh Phạm Hoàng A, Tòa án đã cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hoàng A từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh Hoàng A biết được việc yêu cầu ly hôn của chị K, nhưng anh Hoàng A vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của chị K.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị K về việc xin ly hôn với anh Phạm Hoàng A thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh Hoàng A là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp 3, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã cấp tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, chị K có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hoàng A là bị đơn vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng A và chị K theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị K và anh Hoàng A tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới gã vào năm 2000. Đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Chị K xác định quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau (sau khi các con lớn) vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau nên vợ chồng không hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã ly thân nhau nên chị K yêu cầu xin ly hôn với anh Hoàng A.

Đối với anh Hoàng A, biết được yêu cầu xin ly hôn của chị K, nhưng anh Hoàng A vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của chị K, cho thấy anh Hoàng A chưa quyết tâm để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo yêu cầu của chị K khi phù hợp với quy định của pháp luật.

Nhận thấy, theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên, đối với yêu cầu của Chị K xin ly hôn với anh Hoàng A. Chị K xác định đã ly thân, không còn sống chung nhau và vợ chồng không còn hạnh phúc. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K là phù hợp với quy định nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị K xác định có 02 con chung tên Phạm Hoàng H, sinh năm 2000 và Phạm Mỹ T, sinh năm 2004. Hiện các cháu đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định nên không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung của chị K và anh Hoàng A đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định nên không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị K xác định không có.

[6] Về nợ chung: Chị K xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình Chị K nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K về việc xin ly hôn với anh Phạm Hoàng A.

Về con chung: Chị K xác định có 02 con chung tên Phạm Hoàng H, sinh năm 2000 và Phạm Mỹ T, sinh năm 2004. Hiện các cháu đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định nên không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị K xác định không có.

Về nợ chung: Chị K xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình: Chị K nộp 300.000đ. Vào ngày 26/7/2023, Chị K đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0003807 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị K, anh Hoàng A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- UBND xã TL, H.Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;án văn.

Diệp Chí Nguyện